TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-PT
Ngày 07 tháng 8 năm 2018
V/v Tranh chấp thay đổi
người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Ông Ong Thân Thắng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giangtham gia phiên tòa:: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn D, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

-*Bị đơn:* Anh Ngô Văn S, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

-*Người kháng cáo:* Bị đơn anh Ngô Văn S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T trình bày:

Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 130/2016/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang, đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn S và chị. Công nhận sự thỏa thuận của anh S và chị về con chung là: Anh Ngô Văn S tiếp tục nuôi hai con chung là Ngô Thành C, sinh ngày 08/02/2008 và Ngô Bích D, sinh ngày 14/9/2013, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

Do tại thời điểm ly hôn do chị chưa có chỗ ở ổn định và thu nhập thấp nếu chị nuôi con sẽ không đảm bảo được quyền lợi cho con chung. Hiện nay chị đang làm tại Công ty TNHH V, địa chỉ tại: Xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, thu nhập ổn định hàng tháng từ 7.500.000 đồng đến gần 9.000.000 đồng, chị có chỗ thuê trọ để ở ổn định, tại thôn D, xã D, huyện H, tại nơi thuê trọ có nhà mẫu giáo, trường học thuận tiện cho việc con chị theo học.

Anh S đã kết hôn với người phụ nữ khác và đang nuôi 02 con chung của chị và anh S. Ngoài ra, anh S còn nuôi 01 con riêng của vợ mới, thu nhập thấp, anh S đi làm không có thời gian để chăm sóc cả 02 con chung và 01 con riêng của vợ mới. Thời gian sau ly hôn chị vẫn thăm nom, chăm sóc, và nuôi dưỡng con. Khi chị cho các con chung tiền ăn học, thì anh S và gia đình anh S ngăn cấm và cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cũng như đảm bảo về sự phát triển bình thường cho các con chung chị khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn đối với cháu Ngô Bích D, sinh ngày 14/9/2013. Anh S vẫn tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Ngô Thành C, sinh ngày 08/02/2008. Chị và anh S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Bị đơn anh Ngô Văn S trình bày: Về việc ly hôn và người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn như chị Nguyễn Thị T đã khai ở trên là đúng. Sau khi ly hôn anh vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Ngô Thành C và Ngô Bích D đảm bảo, các con chung vẫn đi học và có kết quả học tập tốt, được giấy khen. Hiện tại anh đang làm công nhân tại Công ty cổ phần A (Sản xuất gạch) tại xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Anh cũng đã kết hôn với người phụ nữ khác và đang cùng vợ mới nuôi cả 02 con chung với chị T và 01 con riêng của người vợ mới. Việc chị T xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung Ngô Bích D, sinh ngày 14/9/2013 cho chị nuôi dưỡng, anh không đồng ý. Chị T không đủ điều kiện nuôi con vì vẫn ở trọ, đi làm tăng ca không có thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị T có quan hệ với người đàn ông khác sẽ ảnh hưởng tới con, thời gian sau ly hôn anh nuôi con, chị T không có trách nhiệm và quan tâm gì đến con.

Với nội dung trên, Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã áp dụng Khoản 1, 2, 5 điều 84; Khoản 1, Khoản 3 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Khoản 2 điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 điều 144; Khoản 1 điều 146; Khoản 1 điều 147; Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn đối với cháu Ngô Bích D, sinh ngày 14/9/2013.

Anh Ngô Văn S tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Ngô Thành C, sinh ngày 08/02/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Ngô Văn S, chị Nguyễn Thị T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Ngô Văn S, chị Nguyễn Thị T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, chị Nguyễn Thị T, anh Ngô Văn S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh S, chị T thực hiện quyền này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 anh Ngô Văn S kháng cáo không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm đã xử, anh không đồng ý để chị T được nuôi cháu Ngô Bích D như bản án của Tòa án cấp sơ thẩm. Nay anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho anh được nuôi cháu Ngô Bích D.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh Ngô Văn S không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Ngô Văn S trình bày: Anh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và anh không đồng ý để chị T được nuôi cháu Ngô Bích D. Lý do hiện tại anh đang làm Công ty cổ phần A, thu nhập từ 8 triệu đồng đến 9 triệu đồng/tháng, có nhà ở ổn định, vợ của anh cũng có thu nhập, mẹ đẻ anh cũng có thu nhập, chị T hiện tại đi ở trọ, quan hệ vơi một số người đàn ông phức tạp đã có gia đình, khi về thăm con xúi giục con nhiều điều không tốt, đi làm không có thời gian chăm sóc, đưa đón con đi học, chị T không đủ điều kiện nuôi con. Do vậy, anh đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T đề nghị giao con chung Ngô Bích D cho anh nuôi dưỡng, chăm sóc.

Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị không đồng ý với kháng cáo và trình bầy của anh S, chị hiện nay có phải thuê nhà trọ để ở nhưng gần nhà chị thuê trọ có trường học, chị có thu nhập ổn định từ 9 triệu đồng đến 10 triệu đồng và có thời gian để đảm bảo điều kiện nuôi con, anh S nói chị có quan hệ với nhiều người đàn ông phức tạp là không đúng. Chị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh S. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử. Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Năm 2016 anh S và chị T do vợ chồng có mâu thuẫn nên khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện H để giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 130/2016/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang, đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị T và công nhận sự thỏa thuận của anh S và chị T về con chung là: Anh Ngô Văn S tiếp tục nuôi hai con chung là Ngô Thành C, sinh ngày 08/02/2008 và Ngô Bích D, sinh ngày 14/9/2013, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S. Nay chị T xét thấy chị có đủ điều kiện để nuôi một con chung, nên ngày 06/2/2018 chị T có nộp đơn khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và quyết định giao cho chị T được nuôi con chung là cháu Ngô Bích D, sinh ngày 14/9/2013; Anh S tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Ngô Thành C, sinh ngày 08/02/2008. Anh S, chị T không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Anh S kháng cáo không đồng ý để chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Bích D.

[2]. Xét kháng cáo của anh S, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh S trình bầy: Chị Tình chưa đủ tư cách nuôi con, do chị T có quan hệ với người nhiều đàn ông phức tạp đã có gia đình, hiện chị T đang phải thuê nhà trọ để ở, đi làm ở Công ty không có thời gian đưa đón con khi đi học, không có đủ điều kiện để nuôi cháu Ngô Bích D. Anh S trình bầy nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Tại thời điểm ly hôn năm 2016 anh S và chị T công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận để anh S nuôi hai con chung do chị T nhận thấy tại thời điểm đó chị T chưa có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đến nay chị đã có việc làm ổn định và thu nhập từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng (tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm chị T xuất trình phiếu lương do Công ty chị đang làm chi trả từ tháng 3 đến tháng 6/2018), chị có phải thuê nhà trọ để ở nhưng điều kiện đầy đủ và gần nơi ở có trường mẫu giáo cho con theo học và có thời gian chăm sóc con. Anh S không chứng minh được chị T không có đủ điều kiện để nuôi cháu Ngô Bích D. Hiện tại anh S đã kết hôn và phải chăm sóc cả hai con chung của anh và chị T và 01 con của vợ mới nên việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con của anh S sẽ gặp khó khăn hơn, chi phí để nuôi các con sẽ nhiều hơn chị T. Do vậy, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và giao cháu Ngô Bích D cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là có căn cứ và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu D. Nên áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng của anh S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nếu sau này người trực tiếp nuôi con là chị T không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D thì anh S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Các định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh S không được chấp nhận nên anh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/21016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không Chấp nhận kháng cáo của anh Ngô Văn S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 84; khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đối với cháu Ngô Bích D, sinh ngày 14/9/2013.

Anh Ngô Văn S tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Ngô Thành C, sinh ngày 08/02/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con anh Ngô Văn S, chị Nguyễn Thị T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngô Văn S, chị Nguyễn Thị T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng con chung, chị Nguyễn Thị T, anh Ngô Văn S cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh S, chị T thực hiện quyền này.

-Về án phí sơ thẩm: Anh Ngô Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0001331 ngày 06/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

-Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0001432 ngày 10/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-*TAND huyện H;*
-*VKSND tỉnh Bắc Giang;*
-*VKSND huyện H;*
-*Chi cục THA DS huyện H;*
-*Các đương sự;*
-*Lưu hồ sơ, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền